

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 175/2023/HS-ST
Ngày 19 tháng 6 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Lành và bà Vũ Thị Liên Minh.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Hoàng Yến, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Thái Thị Hải Yến, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 163/2023/TLST-HS ngày 26/5/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2023/QĐXXST-HS ngày 02/6/2023, đối với bị cáo:

CHU THỊ C (tên gọi khác: Không); sinh ngày 27/9/2002;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm H, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn Đ và bà Nguyễn Thị P; chồng là Nguyễn Văn L và 01 con, sinh 2022. Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện đang tại ngoại tại địa phương, có mặt.

Bị hại:

1. Ông Nguyễn Tiến V, sinh 1977, địa chỉ: Xóm T, xã H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, có mặt.

2. Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1980, địa chỉ: Xóm T, xã H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn L, sinh 1995, địa chỉ: Xóm H, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, có mặt.

2. Chị Chu Thị Hiếu L1, sinh 2001, địa chỉ: Xóm H, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Năm 2017, Chu Thị C nhận anh Nguyễn Tiến V sinh năm 1977 và chị Đỗ Thị T, sinh năm 1980, địa chỉ: Xóm T, xã H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên là bố mẹ nuôi. Quá trình đi lại thăm hỏi tại nhà anh V và chị T tại xóm T, xã H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của vợ chồng anh V, Chu Thị C đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2022 đến ngày 22/10/2022, C đã lén lút thực hiện 09 lần trộm cắp tài sản của gia đình anh V. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng đầu tháng 03/2022, C đến nhà anh V chơi nhưng vợ chồng anh V không có nhà, C có vào phòng ngủ nhà anh V tìm áo mặc, thì thấy bên trong túi váy của chiếc váy chị Đỗ Thị Thanh t trong tủ quần áo có 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng, loại vàng 9999, có mặt dây chuyền hình bông hoa, có đính các hạt đá màu trắng, khối lượng 03 chỉ, đã qua sử dụng và 01 (một) chiếc nhẫn hình tròn bằng vàng, loại vàng 9999, có mặt đá màu đen hình elip, khối lượng 02 chỉ, đã qua sử dụng. Châm đã nảy sinh ý định lấy trộm chiếc nhẫn và sợi dây chuyền nêu trên. Châm mang tài sản lấy trộm được đến cửa hàng V1 ở đường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên bán được số tiền 26.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Khoảng 01 tuần sau lần thứ nhất, C tiếp tục sang nhà anh V, khi sang gia đình anh V không có ai ở nhà. Châm vào phòng ngủ mở túi xách màu đen của chị T treo trên móc quần áo thấy bên trong có số tiền 10.000.000 đồng. Châm đã lấy trộm số tiền trên mang về nhà tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ 3: Khoảng đầu tháng 8/2022, C sang nhà anh V chơi, thấy không có ai ở nhà nên C đi vào trong phòng ngủ thấy két sắt để ở góc phòng không khóa, C đã mở két sắt thấy bên trong có để 01 túi nilon màu đen, bên trong có 03 cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng, C rút tiền ở cả ba cọc tiền và cho vào túi áo chống nắng đang mặc rồi đi về nhà. Châm bỏ tiền ra đếm được 42.000.000 đồng.

Lần thứ 4: Khoảng 10 ngày sau lần thứ 3, C tiếp tục sang nhà anh V để trộm cắp tài sản. Châm thực hiện hành vi như lần trước và lấy số tiền 25.000.000 đồng trong két sắt.

Lần thứ 5: Khoảng 20 ngày sau lần thứ 4, C sang nhà anh V và lấy được số tiền 60.000.000 đồng trong két sắt.

Lần thứ 6: Khoảng 05 ngày sau lần thứ 5, C sang nhà anh V lấy trộm được số tiền 40.000.000 đồng.

Lần thứ 7: Khoảng 20 ngày sau lần thứ 6, C sang nhà anh V lấy trộm được số tiền 45.000.000 đồng.

Lần thứ 8: Khoảng 15 ngày sau lần thứ 7, C sang nhà anh V lấy trộm được số tiền 14.000.000 đồng.

Lần thứ 9: Ngày 22/10/2022, C sang nhà anh V lấy số tiền còn lại trong túi nilon về nhà đếm được số tiền 40.000.000 đồng.

Ngày 30/10/2022, anh V mở két để lấy tiền đi mua hàng thì phát hiện toàn bộ số tiền trong két sắt bị mất trộm, nghi ngờ C là người lấy trộm tài sản, nên anh đã trình

báo Cơ quan Công an để giải quyết. Anh V đã gọi điện hỏi C thì C thừa nhận đã trộm cắp số tiền trên. Qua làm việc Chu Thị C đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình như đã nêu trên.

Hồi 10 giờ ngày 31/10/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T khám xét khẩn cấp chỗ ở của Chu Thị C tại xóm H, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, thu giữ: 01 (một) đôi bông tai bằng kim loại, màu vàng, trên mặt có đính các hạt đá màu trắng, có hình chữ LV và 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại, màu bạc có mặt hình bông hoa, trên mặt đính viên đá màu xanh. C khai nhận, đôi bông tai và sợi dây chuyền trên Châm mua bằng tiền trộm cắp được của gia đình ông V.

Tại Kết luận định giá số 341/KL-HĐĐGTS ngày 21/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố T kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng, loại vàng 9999, có mặt dây chuyền hình bông hoa, có đính các hạt đá màu trắng, khối lượng 03 chỉ, đã qua sử dụng, trị giá 16.315.000 đồng; 01 (một) chiếc nhẫn hình tròn bằng vàng, loại vàng 9999, có mặt đá màu đen hình elip, khối lượng 02 chỉ, đã qua sử dụng, trị giá 10.876.000 đồng. Tổng giá trị 02 tài sản trên là 27.191.000 đồng.

Tổng số tài sản Chu Thị C đã trộm cắp của anh V, chị T có giá trị là: 303.191.000 đồng.

C khai nhận, số tiền trộm cắp được của gia đình anh V, chị T, C đã sử dụng tiêu xài cá nhân và mua một số tài sản gồm: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu IPHONE 12 PRO MAX, vỏ màu vàng với giá 20.500.000 đồng; 01 sợi dây chuyền bằng vàng, khối lượng 03 chỉ với giá 15.900.000 đồng; 01 đôi bông tai bằng vàng, với giá 5.200.000 đồng và 01 sợi dây chuyền bằng bạc, với giá 520.000 đồng. Châm còn nhiều lần đưa tiền cho chồng là Nguyễn Văn L (sinh năm 1994, HKTT: Xóm H, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) với tổng số tiền khoảng 72.000.000 đồng để L trả nợ và chi tiêu; C còn gửi chị họ là Chu Thị Hiếu L1 (sinh năm 2001, HKTT: Xóm H, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) số tiền 18.000.000 đồng, sau đó C đã sang nhà L1 lấy lại số tiền 2.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Châm không nói cho chị L1 và anh L biết nguồn gốc số tiền là do C phạm tội mà có.

Tại Cơ quan điều tra Chu Thị C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Lời khai nhận của Châm phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản xác định hiện trường, bản ảnh hiện trường, lời khai của các bị hại, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án:

- Số tiền 303.191.000 đồng (Ba trăm linh ba triệu một trăm chín mươi một nghìn đồng./.)

Ngày 18/01/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại số tiền 303.191.000 đồng cho anh Nguyễn Tiến V là chủ sở hữu tiếp tục quản lý và sử dụng.

- 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng, loại vàng 9999, có mặt dây chuyền hình bông hoa, có đính các hạt đá màu trắng, khối lượng 03 chỉ, và 01 (một) chiếc nhẫn hình tròn bằng vàng, loại vàng 9999, có mặt đá màu đen hình elip, khối lượng 02 chỉ, hiện chưa thu hồi được.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 PRO MAX, vỏ màu vàng, số IMEI: 356789283598561, đã qua sử dụng; 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, do Chu Thị C giao nộp ngày 30/10/2022; 01 (một) đôi bông tai bằng kim loại, màu vàng, trên mặt có đính các hạt đá màu trắng, có hình chữ LV và 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại, màu bạc có mặt hình bông hoa, trên mặt đính viên đá màu xanh, thu giữ ngày 31/10/2022 khi khám xét chỗ ở của C. Hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng của Chi cục Thi hành án thành phố Thái Nguyên.

Về phần dân sự: Bị hại anh Nguyễn Tiến V đã nhận lại số tiền 303.191.000 đồng, không yêu cầu bồi thường gì khác.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá của Hội đồng định giá và việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Bản cáo trạng số 160/CT-VKS-TPTN ngày 16/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố bị cáo Chu Thị C, về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm các vấn đề cụ thể sau:

1. Tuyên bố bị cáo Chu Thị C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự:
 - Xử phạt bị cáo Chu Thị C từ 30 đến 36 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành bản án.
3. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản và không có thu nhập ổn định, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.
4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 PRO MAX, vỏ màu vàng, số IMEI: 356789283598561; 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng; 01 (một) đôi bông tai bằng kim loại, màu vàng, trên mặt có đính các hạt đá màu trắng, có hình chữ LV và 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại, màu bạc có mặt hình bông hoa, trên mặt đính viên đá màu xanh.
6. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo và những người tham gia tố tụng khác nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm có cơ hội trở về với gia đình, chăm sóc con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Chu Thị C:

Kết quả điều tra và tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Chu Thị C đều khai nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2022 đến ngày 22/10/2022, C đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là tiền trong két sắt, nhẫn vàng, dây chuyền của gia đình anh Nguyễn Tiến V và chị Đỗ Thị T, tại xóm T, xã H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Tổng giá trị tài sản bị cáo Chu Thị C chiếm đoạt của anh V, chị T là 303.191.000 đồng. Số tiền trộm cắp được của gia đình anh V, chị T, bị cáo C đã sử dụng tiêu xài cá nhân.

Hành vi nêu trên của bị cáo Chu Thị C đã bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự, là đúng người, đúng tội có căn cứ pháp luật.

Nội dung Điều 173 Bộ luật Hình sự, như sau:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

2.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm;

a) Chiếm đoạt tài sản giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

[3]. Xét hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” của bị cáo Chu Thị C là hành vi nguy hiểm cho xã hội và thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân lương thiện, đồng thời còn gây ảnh hưởng rất xấu đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương. Do đó, cần phải được xử phạt nghiêm minh, nhằm giáo dục cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Chu Thị C: Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, sau khi phạm tội bị cáo tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội có hai lần bị cáo đang mang thai; trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo có thái độ tỏ ra thực sự ăn năn hối cải. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đó là “Người phạm tội tự nguyện

khắc phục hậu quả”, “*Người phạm tội là phụ nữ có thai*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, được quy định tại điểm b, n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; những người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên có thể áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phải chịu tình 01 tiết tăng nặng đó là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt đối với bị cáo Chu Thị C: Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên có đủ điều kiện áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự. Do vậy, cần áp dụng mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo để vừa đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, vừa đảm bảo tính nhân đạo, phòng ngừa tội phạm, thể hiện tính nhân đạo và sự khoan hồng của chính sách pháp luật hình sự đồng thời để tạo điều kiện động viên bị cáo cải tạo tốt, để trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy, bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Chu Thị C.

[7] Về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Chu Thị C: Trong quá trình điều tra bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Như vậy về trách nhiệm dân sự đã được giải quyết xong.

[8] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 PRO MAX, vỏ màu vàng, số IMEI: 356789283598561; 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng; 01 (một) đôi bông tai bằng kim loại, màu vàng, trên mặt có đính các hạt đá màu trắng, có hình chữ LV và 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại, màu bạc có mặt hình bông hoa, trên mặt đính viên đá màu xanh đây là các tài sản Châm mua bằng tiền trộm cắp của gia đình anh V. Tuy nhiên, bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả, trả lại cho bị hại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt, do vậy, cần trả lại cho bị cáo tiếp tục quản lý, sử dụng.

Ngoài ra, đối với Nguyễn Văn L là chồng của C, C nhiều lần dùng số tiền trộm cắp được đưa cho L sử dụng. Tuy nhiên do C nói dối đó là số tiền đi vay và tiền C tự kiếm ra được, L không biết nguồn gốc số tiền đó là do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không xem xét, xử lý là có căn cứ.

Đối với Chu Thị Hiếu L1 là chị họ của C, là người được C gửi số tiền 18.000.000 đồng do C trộm cắp được. Chị L1 không biết nguồn gốc số tiền C đưa là do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không xem xét, xử lý là có căn cứ.

[8] Về án phí: Bị cáo Chu Thị C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Chu Thị C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Chu Thị C 30** (Ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trả lại cho bị cáo:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 PRO MAX, vỏ màu vàng, số IMEI: 356789283598561 đã qua sử dụng và 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, được niêm phong trong bì niêm phong ký hiệu A1;

- 01 (một) đôi bông tai bằng kim loại, màu vàng, trên mặt có đính các hạt đá màu trắng và có hình chữ LV, được niêm phong trong bì niêm phong ký hiệu A2;

- 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại, màu bạc, có mặt hình bông hoa, trên mặt đính viên đá màu xanh, được niêm phong trong bì niêm phong ký hiệu A3;

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 351 ngày 08/6/2023 giữa Công an thành phố T và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2016 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án. Bị cáo Chu Thị C phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, Điều 333 và Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị hại Đỗ Thị Thanh b báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thái Nguyên;
- Công an TP. Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh Nhàn